



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Thời gian: Thứ Tư, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

Địa điểm: Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Chủ tọa Đại hội: Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty.

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông	Ban tổ chức
2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban kiểm tra thông tin CD
3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
4	Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban kiểm tra thông tin CD
	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức
5	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
6	- Giới thiệu và thông qua Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tọa Đại hội
7	Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tọa Đại hội
8	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026	Đoàn chủ tọa Đại hội
9	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 - Phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026	Đoàn chủ tọa Đại hội
10	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 - Kế hoạch hoạt động năm 2026	Ban kiểm soát
11	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	Ban kiểm soát
12	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán	KTT
13	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025	KTT
14	Tờ trình về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026	KTT
15	Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty	Đoàn chủ tọa Đại hội
16	Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Đoàn chủ tọa Đại hội

Số: 27/BC-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

PHẦN I:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện của Sở ngành địa phương, sự chỉ đạo sát sao Tổng công ty Khoáng sản - TKV, HĐQT Công ty, sự ủng hộ của các cổ đông và sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể người lao động trong toàn Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2025 SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn như:

- Điều kiện thời tiết trong năm có nhiều bất thường, bão số 10 và số 11 liên tiếp từ ngày 29/10-08/11 gây ra sạt lở, ngập lụt công trường, làm thiệt hại về tài sản. Các xưởng, nhà máy phải ngừng sản xuất nhiều ngày để khắc phục, chi phí khắc phục lớn (4,58 tỷ đồng).

- Công trường khai thác đều tận thu lại các bãi thải của mỏ thiếc Tĩnh Túc trước đây, hàm lượng thấp, không ổn định, sản lượng tinh quặng thiếc và thiếc thỏi giảm (sản lượng thiếc thỏi đạt 124/140 tấn, bằng 88% KHN).

- Bãi thải TLP hết hạn ngày 24/12/2025, Thời hạn còn lại của bãi thải khu Tây ngắn (hết hạn ngày 09/12/2026). Công tác xin gia hạn dự án, cấp phép khai thác gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm do sự thay đổi của Pháp luật và chuyển đổi mô hình quản lý các cấp tại địa phương, ảnh hưởng đến duy trì sản xuất liên tục, bố trí việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Các chỉ tiêu chính

Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu SXKD chính năm 2025

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Sản phẩm chủ yếu				
1	Sản xuất				

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1.1	Sản xuất bán thành phẩm				
-	Tình quặng thiếc 70% Sn	Tấn	208	185,13	89%
	Quy Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	140	123,98	88%
1.2	Sản phẩm sản xuất				
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	142	117,48	83%
2	Tiêu thụ sản phẩm				
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	142	117,48	83%
II	Doanh thu	Tr.đồng	123.219	137.023	111%
III	Lợi nhuận	Tr.đồng			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	13.242	13.523	102%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	7.500	8.595	115%
IV	Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn CSH	%	8,08	9,00	111%
V	Nộp NSNN	Tr.đồng	27.337	25.099	92%
VI	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	14.244	11.367	80%
VII	Lao động, tiền lương				
-	Lao động định mức	Người	180	176	98%
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	26.093	26.093	100%
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ ng/thg	12,08	12,35	102%

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1. Thực hiện các chỉ tiêu KTCN

2.1.1. Sản xuất thiếc và các sản phẩm đi kèm

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu KTCN:

Bảng 2: Các chỉ tiêu KTCN chính trong Khai thác - Tuyển khoáng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Chỉ tiêu CN khai thác				
1	Đất, đá bóc	m ³	50.195	140.311	280%
2	Hệ số bóc	m ³ /Tnk	0,04	0,11	314%
3	Khối lượng đất quặng khai thác	Tấn	1.422.224	1.265.606	89%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
4	Khối lượng xúc bốc	m ³	1.442.707	1.322.427	92%
5	Khối lượng vận tải	Tkm	1.499.043	1.292.959	86%
6	Cung độ vận chuyển trung bình	km	0,51	0,48	95%
II	Chỉ tiêu Công nghệ tuyển				
1	Tuyển thô				
1.1	Khối lượng đất quặng vào tuyển	Tấn	1.422.224	1.265.606	89%
-	Hàm lượng	%Sn	0,0135	0,0132	98%
1.2	Tinh quặng sau tuyển thô	Tấn	2.787	2.987	107%
1.3	Thực thu tuyển thô	%	80,00	80,64	101%
2	Tuyển tinh				
2.1	Tinh quặng vào tuyển tinh	Tấn	2.787	2.987	107%
-	Hàm lượng	%Sn	5,50	4,49	82%
2.2	Thực thu tuyển tinh	%	95,00	95,47	100%
3	Sản phẩm sản xuất chính				
-	Tinh quặng thiếc 70%Sn	Tấn	208,00	185,13	89%

- Nguyên nhân khối lượng, sản lượng tăng/giảm:

+ Khối lượng xúc bốc không đạt so với KHN do: Mùa khô đầu năm kéo dài, sản lượng điện tự sản xuất và nước phục vụ tuyển rửa không đủ để các tuyển hoạt động đạt công suất. Ngoài ra, phải ngừng sản xuất nhiều ngày do mưa bão số 10, số 11 (khu Tây dừng 12 ngày, TLP dừng 30 ngày).

+ Khối lượng bóc thải tăng do: Công trường bãi thải Khu Tây có nhiều biến động, các vị trí khai thác lẫn nhiều bùn đất, đá .. công tác xúc chọn lọc, vận chuyển bùn đất, đá thải tăng, làm tăng chi phí đầu vào trong sản xuất.

+ Khối lượng vận tải không đạt so với KHN do: Khối lượng khai thác giảm (nguyên nhân như đã nêu trên) và cung độ vận chuyển trung bình giảm so với KHN.

+ Khối lượng tuyển rửa không đạt so với KHN do: Điều kiện mùa khô và ảnh hưởng mưa bão như đã nêu trên. Ngoài ra, hàm lượng đầu vào giảm (đạt 98% KHN), nên sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn không đạt so với KHN.

2.1.2. Công tác luyện kim, phát điện năng

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu KTCN:

Bảng 3: Các chỉ tiêu KTCN chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Sản xuất thủy điện	tr.kwh	6,90	5,40	78%
II	Luyện kim				
1	<i>Luyện thiếc thỏi (Thuê ngoài)</i>	<i>Tấn</i>			
1.1	Các chỉ tiêu đầu vào		142,00	117,48	83%
a	Tinh quặng thiếc đi luyện	Tấn	210,76	175,21	83%
-	<i>Hàm lượng</i>	<i>%Sn</i>	70,00	69,21	99%
b	Thực thu	%	96,00	96,50	101%
1.2	Sản lượng	tấn	142,00	117,48	83%
-	<i>Hàm lượng</i>	<i>%Sn</i>	99,75	99,75	100%
2	<i>Luyện ferro silic 45</i>	<i>Tấn</i>			
2.1	Sản lượng	Tấn	600	351	59%
-	<i>Hàm lượng</i>	<i>%Si</i>	45	45	100%
2.1	Thực thu	%	85	81	95%

- Nguyên nhân khối lượng, sản lượng giảm:

+ Nguyên nhân sản lượng điện không đạt so với KHN, do: Đầu năm, điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài, các nhà máy thủy điện không có đủ lượng nước để phát dẫn; ngoài ra, do thiên tai mưa bão các nhà máy phải dừng sản xuất từ 10 - 30 ngày để sửa chữa khắc phục.

+ Nguyên nhân sản lượng thiếc thỏi 99,75%Sn không đạt so với KHN do: Sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn cả năm giảm (đạt 89% KHN) và chưa luyện hết phần tinh quặng thiếc sản xuất cuối năm (tồn kho 11,7 tấn tinh quặng tương đương 7,85 tấn thiếc thỏi).

+ Nguyên nhân sản lượng Ferosilic 45% không đạt so với KHN do: Đầu năm, lượng điện phát dẫn chỉ đủ duy trì sản xuất quặng thiếc, không đủ đáp ứng cho các lò luyện hoạt động. Đến tháng 7/2025 mới cân đối đủ điện để sản xuất và duy trì được 1/2 lò hoạt động trong năm (bằng 50% KHN).

2.2. Công tác cơ điện

2.2.1. Công tác sửa chữa lớn

Trong năm, đã thực hiện sửa chữa lớn máy xúc CAT 336, và máy HuynDai 330 để đáp ứng năng lực xúc bốc, giảm thuê ngoài.

Ngoài ra, trong cuối năm 2025 và đầu năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai sửa chữa lớn 02 xe ô tô vận tải theo kế hoạch đề ra để đảm bảo năng lực vận tải. Công tác thực hiện chưa hoàn thiện nên giá trị được quyết toán và hạch toán trong năm 2026.

Giá trị thực hiện cả năm đạt 2.675/4.600 tr.đ, bằng 58% KHN.

2.2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên, SCĐX

Trong năm, Công ty thực hiện sửa chữa các thiết bị khai thác, vận tải để đảm bảo năng lực thiết bị và chủ động trong khai thác, vận chuyển đất quặng, giảm khối lượng thuê ngoài (chỉ thực hiện thuê ngoài phần đất đá thải sau tuyển thô). Sửa chữa hệ thống phát dẫn điện năng tại các nhà máy thủy điện đảm bảo duy trì phát dẫn đủ lượng điện phục vụ sản xuất quặng thiếc và cân đối để sản xuất Ferro silic 45 (khi lượng điện dư thừa).

Tổng giá trị sửa chữa thường xuyên, SCĐX cả năm đạt 3.534/4.337 tr.đ.

2.3. Công tác An toàn môi trường

Công ty thực hiện nghiêm túc công tác ATVSLĐ, PCCN, PCTT-TKCN, BVMT theo đúng các quy định của Pháp luật và các văn bản triển khai của Vimico, Tập đoàn TKV và kiến nghị của các đoàn kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra các vị trí sản xuất để chủ động phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và sự cố môi trường lớn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Công tác lao động tiền lương, thực hiện chế độ chính sách

2.4.1. Nhân lực sử dụng: Công ty đã thực hiện sắp xếp lại lực lượng lao động trong toàn Công ty, lao động đầu kỳ là 191 người, lao động đến thời điểm 31/12/2025 là: 189 người (tăng trong kỳ là 08 người, giảm trong kỳ là 10 người), lao động sử dụng bình quân trong năm là 176 người. Trong năm, Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và Tổng công ty. Bố trí đủ việc làm và đảm bảo đời sống cho cán bộ CNVC, LĐ.

2.4.2. Thực hiện chi trả tiền lương và đảm bảo các chế độ cho NLD: Thực hiện KHN, Công ty đã triển khai rà soát, xây dựng và ban hành phương án giao khoán đơn giá tiền lương cho từng công đoạn sản xuất gắn với các chỉ tiêu sản lượng, an toàn. Thực hiện các cơ chế khuyến khích hợp lý để tăng năng suất lao động. Tiền lương bình quân năm 2025 đạt 12,35/12,08 Tr.đồng/người/tháng, bằng 102% KHN. Thu nhập bình quân 13,0 Tr.đồng/người/tháng. Đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định: BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại...

2.5. Công tác Đầu tư xây dựng, phát triển tài nguyên

2.5.1. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm Công ty thực hiện đầu tư 02/02 dự án chính thức đạt 100% KHN và đang thực hiện chuẩn bị đầu tư (CBĐT) các dự án theo kế hoạch năm 2025. Tổng giá trị thực hiện đạt 11.417/14,224 tr.đồng. Cụ thể:

a. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

- Đầu tư mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $E \geq 1,4 \text{ m}^3$.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.750 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 5/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 6.467/6.750 tr.đồng.

b. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2025:

- Đầu tư mua sắm 03 xe ô tô vận tải, tải trọng $\geq 9,0$ tấn/xe.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.000 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 4/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 4.950/6.000 tr.đồng.

2.5.2. Công tác phát triển tài nguyên

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển tài nguyên nhằm đảm bảo duy trì SXKD năm 2025 và những năm tiếp theo. Tuy nhiên, Trong năm công tác xin gia hạn/cấp phép các dự án gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi của Pháp luật và chuyển đổi mô hình quản lý các cấp tại địa phương, nên chưa đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Cụ thể:

a. Bãi thải Thập Lục Phần: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2643/GP-UBND ngày 24/12/2020 (kết thúc 24/12/2025).

Công ty đã lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án trình tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư (nộp hồ sơ ngày 24/9/2024), đã được các sở ban ngành thẩm định 02 lần và đồng ý về mặt kỹ thuật. Nhưng do Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, hiệu lực thi hành từ 01/7/2025 có sự điều chỉnh rất nhiều quy định về hồ sơ gia hạn, cấp phép hoạt động khai thác, khai thác tận thu khoáng sản, cụ thể là cần phải khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong đó khu vực dự án Bãi thải Thập Lục Phần chưa được khoan định, nên dự án chưa được xem xét (tỉnh Cao Bằng đang xem xét về khoan định khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các nội dung khác có liên quan... Tuy nhiên, do quy định của pháp luật chưa rõ ràng nên tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt).

Dự kiến trong năm 2026, khi được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Công ty tiếp tục lập hồ sơ điều chỉnh Chủ trương đầu tư, lập hồ sơ ĐTM; hồ sơ cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định.

b. Bãi thải Khu Tây: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2451/GP-UBND ngày 09/12/2021 thời hạn 05 năm (đến ngày 9/12/2026 hết thời hạn).

Dự án này cần phải thực hiện đủ hồ sơ các bước để được gia hạn giấy phép khai thác trước 30 ngày, tức trước ngày 09/11/2026. Cụ thể, khoan định, điều chỉnh, phê duyệt khu vực khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Lập phương án, thi công phương án đánh giá tài nguyên còn lại; Lập hồ sơ điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Tuy nhiên, hiện nay dự án chưa triển khai thực hiện do tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Dự kiến trong năm 2026, sau khi được UBND tỉnh khoan định, điều chỉnh, phê duyệt khu vực khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản Công ty thực hiện kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và triển khai các công việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác của dự án.

c. Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc Sa khoáng Nậm Kép:

Công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư hết sức khó khăn (chưa tiến triển được) do dự án đề xuất có phạm vi ảnh hưởng tương đối lớn, có tác động đến cảnh quan, môi trường, các cơ quan chuyên môn của tỉnh có nhiều ý kiến chưa thống nhất, tỉnh Cao Bằng chưa cho ý kiến về định hướng đối với dự án. Dự kiến trong năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án, cần thiết đề nghị Bộ NN&MT cho phép thăm dò bổ sung Địa chất thủy văn - Địa chất công trình để đưa ra các biện pháp/giải pháp cụ thể giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng để tỉnh Cao Bằng xem xét cấp chủ trương đầu tư dự án làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo

d. Mỏ sắt Nà Lũng, Phường Duyệt Trung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là Phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng): Giấy phép khai thác khoáng sản số 1072/QĐ/QLTN ngày 19/4/1996 của Bộ Công nghiệp; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số: 166/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (hết hiệu lực 19/4/2026). Trong năm 2025, Công ty đã rà soát, tổng hợp, thông kê, kiểm kê trữ lượng, tài nguyên còn lại để trình cấp có thẩm quyền cấp Chủ trương đầu tư điều chỉnh/gia hạn dự án nhằm khai thác triệt để tài nguyên, trữ lượng còn lại của mỏ. Hiện nay, đã được UBND tỉnh cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số: 237/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 02 năm 2026. Dự kiến trong năm 2026, Công ty thực hiện hoàn thành việc lập và phê duyệt Hồ sơ đánh giá tác động môi trường, lập, phê duyệt hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và các thủ tục khác có liên quan để dự án tiếp tục hoạt động khai thác khoáng sản quặng sắt và các khoáng sản đi kèm còn lại tại mỏ sắt Nà Lũng.

2.6. Thực hiện quản trị chi phí, doanh thu, lợi nhuận

2.6.1. Thực hiện quản trị chi phí

2.6.1.1. Thực hiện các chỉ tiêu giá thành

Để đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Cụ thể như sau:

a. Giá thành sản xuất

* Sản xuất tinh quặng thiếc 70%Sn và thiếc thỏi 99,75%Sn:

- Giá thành sản xuất tinh quặng thiếc 321/278 trđ/tấnTQ bằng 125% KHN.

Nguyên nhân:

+ Các chỉ tiêu KTCN như: Khối lượng bóc thải tăng, hàm lượng đầu vào giảm (đã đánh giá tại mục 2.1 a);

+ Do giá thuế phí và các khoản nghĩa vụ với nhà nước tăng(phát sinh chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật mới);

- Giá thành sản xuất thiếc thỏi 99,75% Sn cả năm là 507/440 Tr.đ/tấn bằng 114% KHN.

Nguyên nhân: Do giá nguyên liệu tinh quặng thiếc đầu vào tăng (chi tiết như đã nêu trên), làm giá thành sản xuất tăng 63,96 tr.đ/tấn.

* Sản xuất ferro silic 45:

- Giá thành sản xuất cả năm là 16,74/19,87 Tr.đ/tấn, bằng 84% KHN (giảm 3,13 tr.đ/tấn).

Nguyên nhân: Do tiêu hao định mức vật tư giảm (tiết kiệm vật tư, nhiên liệu) và giá cả đầu vào giảm.

* Sản xuất điện năng:

- Giá thành sản xuất cả năm là 1.961/1.461 đ/kwh, tăng 500 đồng/kwh bằng 134% giá KHN.

Nguyên nhân:

+ Do sản lượng giảm, trong khi các chi phí cố định không đổi;

+ Do thiết bị cũ, thường xuyên hư hỏng, tiêu hao vật tư tăng;

+ Do thuế, phí tăng;

b. Giá thành tiêu thụ

* Giá thành tiêu thụ thiếc thỏi 99,75%Sn:

- Giá thành tiêu thụ năm đạt 772,4/627 tr/tấn, bằng 123% KHN.

Nguyên nhân:

+ Do giá thành sản xuất tăng làm tăng giá thành tiêu thụ.

+ Do sản lượng giảm trong khi các chi phí cố định trong chi phí quản lý không đổi;

+ Do hạch toán các chi phí như: Tham quan nghỉ mát cho người lao động .. vào chi phí sản xuất năm 2025 (SXKD có hiệu quả nên Công ty không sử dụng và chi nguồn quỹ phúc lợi);

+ Do phát sinh chi phí Kỷ niệm ngày thành lập Công ty (KHN chưa xây dựng chi phí này).

* Giá thành tiêu thụ ferro silic:

- Giá thành tiêu thụ năm đạt 19,15/19,87 tr/tấn, bằng 96,4% KHN.
- Nguyên nhân: Do giá thành sản xuất giảm (chi tiết đã nêu tại mục Giá thành sản xuất).

2.6.2. Doanh thu

Tổng doanh thu của Công ty thực hiện cả năm đạt 137.023/123.219 tr.đồng, bằng 111% KHN. Trong đó:

- Doanh thu khoáng sản đạt 122.782/120.320 tr.đ, bằng 102% KHN (chủ yếu do giá bán thiếc thời tăng, đạt 886/712 tr.đ/tấn).

- Doanh thu khác đạt 14.241/2.899 tr.đ (tăng do trong năm có thêm doanh thu từ dịch vụ nổ mìn Nà Lũng).

2.6.3. Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 13.523/13.242 tr.đồng, bằng 102% KHN.

PHẦN II:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát: “An toàn - Tiết kiệm - Hiệu quả”.

2. Mục tiêu cụ thể:

Bảng 4: Tổng hợp các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2026

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2026	Ghi chú
I	Sản xuất – Tiêu thụ sản phẩm			
1	Sản xuất chính			
-	Tinh quặng thiếc 70%Sn	Tấn	148	
	Tương đương Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	100	
2	Sản phẩm tiêu thụ chính			
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	100	
II	Các chỉ tiêu giá trị			
1	Doanh thu	Tr.đồng	131.440	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.550	
3	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH	%	6,19	
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	22.969	
5	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	12.785	

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2026	Ghi chú
-	Xây dựng	"	-	
-	Thiết bị	"	11.400	
-	Chi phí khác	"	1.385	
6	Lao động, tiền lương			
-	Lao động bình quân	Người	160	
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	24.116	
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ng/thg	12,56	
7	Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức		$\geq 5\%$	

II. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tiếp tục rà soát lại mô hình tổ chức sản xuất, định biên lại lao động để phù hợp với những biến động trong sản xuất, đồng thời tuyển dụng, đào tạo lao động kỹ thuật như lái máy, lái xe, vận hành thủy điện.... để đảm bảo định biên lao động các vị trí sản xuất và phục vụ định hướng phát triển của Công ty.

Luôn nêu cao ý thức trách nhiệm từ quản lý đến người lao động. Cán bộ quản lý thường xuyên bám sát sản xuất để hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất và kiểm soát sản phẩm.

Kiểm soát việc thực hiện nội quy lao động và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động...

2. Công tác An toàn vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường

~~Thực hiện nhất quán mục tiêu không tai nạn, không sự cố, giảm bệnh nghề nghiệp.~~

Duy trì An toàn - An ninh - An sinh trong toàn Công ty. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, luyện kim, phát dẫn điện năng.

Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm, các giải pháp đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, chủ động phòng ngừa sự cố. Rà soát các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATVSLĐ và BVMT trong từng công đoạn sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý kiên quyết các cá nhân, tập thể vi phạm quy trình, quy phạm KTAT và BVMT trong sản xuất.

Tuyên truyền và hình thành ý thức tự chủ trong công tác ATVSLĐ.

3. Công tác sản xuất

3.1. Công tác khai thác mỏ và tuyển khoáng

Trên cơ sở kết quả đánh giá tài nguyên còn lại của bãi thải Khu Tây, bãi thải Thập Lục Phần, xây dựng kế hoạch bóc đất đá thải, khai thác quặng theo từng vùng hàm lượng quặng khác nhau để điều hành sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ bản trong khâu khai thác vận tải để tiết giảm chi phí từ việc bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo an toàn môi trường và đặc biệt quan tâm tới công tác bố trí diện khai thác mùa khô, mùa mưa, công tác thoát nước mỏ, xúc bốc chọn lọc và các tuyến đường vận chuyển...

Tăng cường kiểm tra, giám sát trong khâu tuyển khoáng để đưa ra các biện pháp điều chỉnh các chỉ tiêu công nghệ đảm bảo thực thu và thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản có ích để giảm giá thành sản xuất.

3.2. Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim

- Sản xuất điện năng: Triển khai rà soát kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị phát dẫn điện năng ngay từ đầu năm để tạo sự ổn định trong sản xuất khi mùa mưa đến, đáp ứng sản lượng điện cung cấp cho sản xuất quặng thiếc, ferro của Công ty. Trong quá trình sản xuất, thường xuyên rà soát kiểm tra các hệ thống đầu đập, đường máng và hệ thống phát dẫn để đưa ra các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là trước và sau các đợt mưa lớn.

- Sản xuất Ferro silic: Kiểm soát chặt chẽ vật liệu đầu vào, tăng cường giám sát trong quá trình chuẩn bị liệu đến khâu nấu luyện. Tận dụng, phối trộn các nguyên vật liệu khác để giảm tiêu hao của các nguyên liệu chính như: phối trộn gỗ vụn, than điện cực gãy để giảm tiêu hao than cốc, v.v.

- Sản xuất thiếc thời 99,75%Sn: Tiếp tục thực hiện thuê ngoài luyện thiếc thành nhiều đợt trong năm để có sẵn sản phẩm và tranh thủ tiêu thụ trong điều kiện giá cả thuận lợi, đồng thời đảm bảo nguồn tài chính để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Đối với công tác Cơ điện

Triển khai công tác sửa chữa, đặc biệt là sửa chữa lớn ngay từ đầu năm để đảm bảo huy động và sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị hiện có. Đồng thời điều phối, bố trí hợp lý thiết bị giữa các vị trí sản xuất trong Công ty.

Tăng cường giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao.

Tiếp tục thực hiện việc gia công chế tạo, khắc phục, sửa chữa vật tư sau thu hồi để tái sử dụng đưa vào sản xuất.

Lắp đặt bổ sung 01 hệ tuyển tại Khu Tây để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo sản lượng, việc làm, thu nhập cho người lao động trong thời gian xin gia hạn/cấp phép mới dự án Thập Lục Phần.

5. Công tác quản trị chi phí

Xây dựng kế hoạch điều hành ngay từ đầu năm và triển khai giao khoán chi phí đến các công đoạn sản xuất. Đồng thời hoàn thiện công tác thống kê, kiểm soát tiêu hao vật tư, chi phí sản xuất hàng ngày đảm bảo số liệu báo cáo nhanh, chính xác, phân tích các nguyên nhân tăng giảm để kịp thời đưa ra các giải pháp điều hành về công nghệ, giảm tiêu hao, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Kiểm soát việc mua sắm và sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu sản xuất với mục tiêu: Cung ứng nhanh, chất lượng, khắc phục những hạn chế, nhược điểm của những năm trước. Kiểm kê, đánh giá vật tư thu hồi, sửa chữa các vật tư có thể tái sử dụng được để tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất. Đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy chế của Công ty.

Trong công tác nghiệm thu, quyết toán: Tập trung kiểm soát chặt chẽ nhân công, nhân lực, năng suất lao động; Phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân từ đó đưa ra phương hướng kế hoạch giao khoán các tháng, quý tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo hiệu quả.

6. Công tác lao động tiền lương

Rà soát, định mức nhân lực, năng xuất lao động ở từng vị trí, công đoạn sản xuất và xây dựng kế hoạch tiền lương điều hành ngay từ đầu năm. Đồng thời thực hiện giao khoán đơn giá tiền lương đến các đơn vị, cho từng công đoạn, sản phẩm sản xuất. Trên cơ sở phát động thi đua hàng tháng của Công ty, xây dựng mức thưởng năng suất gắn với mục tiêu ATVSLĐ theo tháng đối với cá nhân và tập thể để thúc đẩy sản xuất, năng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo hiệu quả.

7. Công tác đầu tư xây dựng, phát triển tài nguyên

Tập trung nguồn lực, bám sát cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện công tác xin gia hạn/cấp phép mới các dự án với mục tiêu trọng điểm như sau:

a. Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh (đã hết hạn giấy phép từ tháng 12/2025)

Bám sát Bộ NN&MT và tỉnh Cao Bằng để quy hoạch khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Đồng thời bám sát các sở ngành của tỉnh Cao Bằng để đẩy nhanh tiến độ xin Chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy phép khai thác mới. Mục tiêu xin được giấy phép khai thác mới và triển khai đưa dự án vào hoạt động trong năm 2026.

b. Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Khu Tây, mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (điều chỉnh). (thời hạn kết thúc giấy phép khai thác tháng 12/2026)

Dự án có điều kiện tương tự như dự án Thập Lục Phần (TLP). Trong năm 2026, thực hiện kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và lập, nộp hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư/cấp phép dự án. Mục tiêu xin được quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giấy phép khai thác trong năm 2026 để duy trì hoạt động sản xuất liên tục (không bị gián đoạn), đảm bảo việc làm cho NLĐ.

c. Mở sắt Nà Lũng, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng (kết thúc 19/4/2026)

Trong năm 2026, tiếp tục bám sát Bộ NN&MT để xin cấp giấy phép khai thác, đồng thời triển khai các bước tiếp theo để đưa dự án vào hoạt động. Mục tiêu xin được giấy phép khai thác và hoàn thiện đầu tư trong năm 2026.

d. Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép

Rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án, điều chỉnh báo cáo Nghiên cứu khả thi trên cơ sở đưa ra các biện pháp/giải pháp giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng và báo cáo tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

e. Ngoài các mục tiêu nêu trên, trong năm triển khai thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư đã đề ra.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Trong năm 2025, SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự quan tâm, ủng hộ của sở ban ngành địa phương, của Tổng công ty, HĐQT Công ty cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của ban điều hành, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực của tập thể CBCNV, sự ủng hộ của các cổ đông, kết quả SXKD của Công ty năm 2025 đã đạt được kết quả nhất định.

Năm 2026, dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt trong công tác xin cấp phép dự án để đảm bảo duy trì sản xuất liên tục không bị gián đoạn. Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện của sở ban ngành địa phương, lãnh đạo Tổng công ty, HĐQT Công ty và các cổ đông để Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Xin trân trọng cảm ơn./.



GIÁM ĐỐC

Erân Văn Chương

Số: 271/BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xin báo cáo Đại hội về các mặt hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025. Phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

- Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

+ Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch HĐQT;

+ Ông Trần Văn Chương – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;

+ Ông Nguyễn Mạnh Hưng – Thành viên HĐQT;

+ Ông Hà Ngọc Bình – Thành viên HĐQT;

+ Ông Đỗ Hữu Chiêm – Thành viên HĐQT.

- Với vai trò là người đại diện quyền lợi cho cổ đông của Công ty, trong năm 2025 HĐQT đã nêu cao vai trò, trách nhiệm, cùng với Ban điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ quan trọng theo đúng chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp cao và các nội dung khác theo thẩm quyền.

- Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các nghị quyết, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của Công ty, chấn chỉnh bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

- Phối hợp với BKS Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, thị

trường giá cả và tình hình biến động sản xuất của Công ty. Mỗi phiên họp của HĐQT đều được ghi chép thành biên bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để điều hành Công ty và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết các cuộc họp trước đó.

- Trong năm HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp, ban hành 18 Nghị quyết để chỉ đạo liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến.

II. Kết quả hoạt động Công ty năm 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu đạt 137,023 tỷ đồng bằng 111% KHN và bằng 110% thực hiện năm 2024;

- Lợi nhuận trước thuế đạt 13,523 tỷ đồng bằng 102% KHN và bằng 113% thực hiện năm 2024;

- Nộp ngân sách: 25,099 tỷ đồng bằng 92% KHN và bằng 114% thực hiện năm 2024;

- Tổng quỹ tiền lương: 26,093 tỷ đồng bằng 100% KHN và bằng 98% thực hiện năm 2024;

- Lao động sử dụng bình quân: 176 người bằng 98% KHN và bằng 99% thực hiện năm 2024.

b. Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất chính:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn đạt: 123,98 tấn bằng 88% KHN và bằng 84% thực hiện năm 2024.

c. Tiêu thụ sản phẩm:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ đạt: 117,48 tấn bằng 83% KHN;

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty

Năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thay đổi tích cực, đạt hiệu quả thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải thu 56,97 tỷ đồng. trong đó Phải thu khách hàng: 52,09 tỷ đồng.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 45,71 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn 41,71 tỷ đồng; nợ dài hạn 3,9 tỷ đồng.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 0,57

+ Khả năng thanh toán (Tổng TS/NPT) = 3,19 lần.

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) = 2,73 lần.

+ Hệ số bảo toàn vốn tại Doanh nghiệp >1.

III. Kết quả giám sát của HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Các thành viên trong Ban điều hành Công ty đều có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho Phó Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần, tháng và triển khai kế hoạch công việc kế tiếp.

- Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Hội đồng quản trị Công ty giám sát việc sử dụng, quản lý và đầu tư tài sản, mua bán vật tư phục vụ SXKD, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với Ban điều hành kiểm điểm kết quả SXKD theo quy định; giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của BKS Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

I. Nhận định chung

Tình hình bất ổn trong hệ thống chính trị tại nhiều Quốc gia trên thế giới dự kiến tiếp tục tác động xấu đến nền kinh tế toàn cầu, khiến giá nguyên nhiên vật liệu, thiếc kim loại, Fero Silic biến động khó lường. Tại Công ty tài nguyên quặng thiếc đã cạn kiệt, chủ yếu khai thác tận thu tại các bãi thải; tài sản, máy móc thiết bị xuống cấp... Vì vậy năm 2026 hoạt động của Công ty được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn, Công ty cần có giải pháp phù hợp về tài nguyên, tiết kiệm chi phí, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo có hiệu quả.

II. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026

Năm 2026 HĐQT Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch các chỉ tiêu chính sản xuất kinh doanh, như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu: 131,440 tỷ đồng bằng 96% thực hiện năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế: 9,550 tỷ đồng bằng 71% thực hiện năm 2025;
- Nộp ngân sách: 22,969 tỷ đồng bằng 92% thực hiện năm 2025;
- Tổng quỹ tiền lương: 24,116 tỷ đồng bằng 92% thực hiện năm 2025;

- Lao động sử dụng bình quân: 160 người bằng 91% thực hiện năm 2025.

2. Các chỉ tiêu sản lượng chính

- Thiếc kim loại 99,75% Sn: 100 tấn bằng 85% thực hiện năm 2025.

3. Tiêu thụ sản phẩm

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ: 100 tấn bằng 85% thực hiện năm 2025.

III. Phương hướng hoạt động

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục Phần, bãi thải khu Tây, mỏ sắt Nà Lũng trong năm 2026; thực hiện lập hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác-quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Rất mong các cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Số: 245/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2025
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	13.523.489.633
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	4.928.823.407
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	8.594.666.226
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	
-	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	Đồng	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	8.594.666.226
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (%)	%	7
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay	Đồng	5.600.000.000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=5-7)	Đồng	2.994.666.226
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	220.000.000
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	2.774.666.226
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT; *Chị Lan*



Số: 276/TTTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021.

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số: 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương và mức tiền lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV.

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và BKS công ty.

Công ty thực hiện chi trả thù lao như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao (20% mức lương tháng) đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Thông tư 06/2024/TT- BLĐTBXH ngày 30/7/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số: 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương và mức tiền lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV.

Công ty dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

(Bảng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCKT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ly Xuân Tuyên

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

Số: 278/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2021.

Sau khi rà soát các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhận thấy một số ngành, nghề kinh doanh đã có sự thay đổi về nội dung và mã ngành theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với quy định hiện hành trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua Danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi sửa đổi, cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;
- Phụ lục 2: Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi điều chỉnh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- Lưu: TCHC, HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Phụ lục 1:



KẾT QUẢ RÀ SOÁT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-TTg

(Kèm theo Tờ trình số 278/TTr-KSLK ngày 31 tháng 3 năm 2026)

L. Danh mục ngành nghề kinh doanh giữ nguyên như ngành nghề kinh doanh hiện hành của Công ty: 34 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg		
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
4	Khai thác quặng sắt	0710	Khai thác quặng sắt	0710
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110
7	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đống, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đống, chè dây.	1076	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đống, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đống, chè dây.	1076
8	Xây dựng nhà để ở	4101	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4102	Xây dựng nhà không để ở	4102
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện	4221	Xây dựng công trình điện	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
13	Xây dựng công trình công ích khác	4229	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14	Xây dựng công trình thủy	4291	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22	Chuẩn bị mặt bằng	4312	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
25	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đấng, chè dây	0127	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đấng, chè dây	0127
26	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27	Trồng cây lâu năm khác	0129	Trồng cây lâu năm khác	0129
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633
29	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
31	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32	Bán buôn tổng hợp	4690	Bán buôn tổng hợp	4690

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
33	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

II. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi tên ngành (không thay đổi mã ngành): 03 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy luyện kim	2823	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
2	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
3	Sửa chữa thiết bị điện	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314

III. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi mã ngành (không thay đổi tên ngành): 02 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Truyền tải và phân phối điện	3512	Truyền tải và phân phối điện	3513
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi cả tên ngành, mã ngành: 01 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
26	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27	Trồng cây lâu năm khác	0129
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633
29	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
31	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32	Bán buôn tổng hợp	4690
33	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
35	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
36	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
37	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
38	Truyền tải và phân phối điện	3513
39	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105
40	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
41	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

R



Phụ lục 2:

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
CÔNG TY SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 278 /TTr-KSLK ngày 31 tháng 3 năm 2026)

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110
7	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đấng, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đấng, chè dây.	1076
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4102
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
25	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đấng, chè dây	0127

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh bị xóa bỏ: 01 ngành nghề

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg		
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa biết phân vào đâu	7409		

V. Bổ sung ngành nghề kinh doanh: 01 ngành nghề

Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

R

Số: 279 /TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua chủ trương sắp xếp lại mô hình Xí nghiệp Chè đắng và
Thương mại - Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ công văn số 3258/TKV-TCNS ngày 05/6/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công văn số 1445/VIMICO-TCLĐ ngày 09/6/2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc định hướng rà soát mô hình tổ chức, định biên lao động mô hình mẫu.

Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty giai đoạn 2025-2030 và điều kiện thực tế sản xuất tại các đơn vị trực thuộc, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chủ trương về việc chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại, thành lập tổ sản xuất Chè đắng, nước lọc Pác Bó đảm bảo mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành góp phần tăng hiệu quả SXKD, cải thiện thu nhập cho người lao động.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty triển khai theo quy định hiện hành.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2016, đã được sửa đổi, bổ sung tháng 06 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-VIMICO ngày 06/4/2026 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn và Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, theo đó:

1. Ông Lý Xuân Tuyên – Phó tổng giám đốc VIMICO thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.


3. Cử ông Đặng Xuân Tuyên – Phó tổng giám đốc VIMICO, Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 cụ thể như sau:

- Đồng ý ông Lý Xuân Tuyên thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.


- Đồng ý ông Trần Văn Chương thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Bổ nhiệm ông Đặng Xuân Tuyên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét, thông qua. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên